

Số: /BC-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 19-KH/TW của Bộ Chính trị

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1218/SNV-VP ngày 17/9/2025 về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW về một số chính sách xã hội; Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện

a) Phát triển hạ tầng thông tin và triển khai công tác chuyển đổi số phục vụ thực hiện các chính sách an sinh xã hội

- Toàn tỉnh có 22 doanh nghiệp hoạt động bưu chính, với 397 điểm phục vụ; tổng số lao động gần 2.200 người. Có 06 doanh nghiệp hoạt động viễn thông và internet; 100% số xã, phường, đặc khu đã phủ cáp quang và sóng thông tin di động; hầu hết các thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G. Mạng 5G phủ 76% khu vực thành phố và trung tâm hành chính huyện (cũ), 90% khu vực thành Phố, Khu Công nghiệp VSIP, Khu Công nghiệp Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi.

- Trung tâm dữ liệu tỉnh với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, vận hành ổn định 30 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Toàn tỉnh đang khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Tình hình triển khai các hệ thống dùng chung quan trọng như sau:

+ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai 2.500 cơ quan, đơn vị, thiết lập 20.500 tài khoản cho CBCCVN; tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành đạt trên 99,58%, cấp xã đạt 94,67%; trên 98% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử. Thực hiện rà soát và hoàn thiện các chức năng của hệ thống theo đề nghị của các cơ quan.

+ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

+ Hệ thống hội nghị truyền hình có 100% điểm (96 UBND cấp xã) có thiết bị kết nối, sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng.

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoạt động ổn định, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công Quốc gia và các Hệ thống thông tin của các bộ ngành, đảm bảo phục vụ tổ chức và cá nhân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia: cấp tỉnh 1891 DVCTT/ TTHC; cấp xã 384 DVCTT/395 TTHC.

- Duy trì và thúc đẩy các mô hình thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh, trong đó có việc chi trả chế độ an sinh xã hội.

+ 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Có khoảng 980.400 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số.

b) Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ

Việc triển khai Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh được tổ chức thường xuyên, tạo sự đồng tình, tham gia của nhiều tầng lớp trí thức của tỉnh, phát huy trí tuệ, tinh thần sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng vào KH&CN của Nhân dân trên địa bàn tỉnh:

- Về Hội thi Sáng tạo kỹ thuật: Trong giai đoạn 2021-2025, đã tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần 12 (2020-2021) và lần thứ 13 (2022-2023) đã thu hút 79 giải pháp kỹ thuật của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, người lao động của tỉnh tham gia và đạt 65 giải thưởng cấp tỉnh (*06 giải Nhất, 11 giải Nhì, 22 giải Ba và 26 giải Khuyến khích*), 06 giải thưởng toàn quốc (*01 giải Nhất, 02 giải Ba và 03 giải Khuyến khích*) theo tiêu chí của Hội thi về tính sáng tạo, đã áp dụng trên địa bàn tỉnh và mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội - môi trường.

- Về Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng: Từ năm 2021 đến năm 2025, đã tổ chức Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh lần thứ 6 (năm 2021), lần thứ 7 (năm 2022), lần thứ 8 (năm 2023), lần thứ 9 (năm 2024) đã thu hút 289 đề tài sáng tạo của thanh thiếu niên, nhi đồng trong tỉnh tham gia và đạt 110 giải thưởng cấp tỉnh; 04 giải thưởng toàn quốc.

- Ngoài ra, từ năm 2023, đã tổ chức triển khai Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần thứ I năm 2023 với Chủ đề “*Tuổi trẻ Quảng Ngãi sáng tạo đổi mới*” với 54 đội thi gồm 209 các em học sinh đến từ 15 trường THPT trên địa bàn tỉnh; Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần thứ II năm 2024 với Chủ đề “*Tuổi trẻ Quảng Ngãi – Tiên phong sáng tạo*” với 53 đội thi gồm 209 các em học sinh đến từ 18 trường THPT trên địa bàn tỉnh. Sự tham gia Cuộc thi Robot lần I và lần II với số lượng rất đông đảo học sinh tham gia cho thấy niềm đam mê, yêu thích và tiềm năng to lớn của lớp trẻ Quảng Ngãi về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo rất sẵn sàng một khi tỉnh tạo điều kiện, môi trường. Cuộc thi Sáng tạo Robot Quảng Ngãi lần thứ III năm 2025 chủ đề “*Tuổi trẻ Quảng Ngãi - Sáng tạo trong kỷ nguyên mới*”, thu hút 72 đội đến từ 23 trường tham dự, với hơn 260 học sinh tham gia. Đặc biệt năm 2025 có 6 đội là học sinh khối THCS tham dự.

c) Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo

Việc hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, thực hiện các dự án, mô hình nông nghiệp theo chuỗi giá trị được triển khai hiệu quả, giúp người dân, khai thác, phát huy

mối liên kết bền vững trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đã đạt được một số kết quả nhất định như:

- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp:

Tập trung triển khai nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá khả năng thích nghi của một số giống cây trồng, vật nuôi để bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh như: Các giống Cam không hạt, Giỏi ăn hạt, Sâm bố chính, cá trà sóc, cá hô... Một số quy trình phòng trừ sâu bệnh hại các loại cây trồng có giá trị cao như: Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm. Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng phương pháp sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đã và đang triển khai nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ và ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất trong nông nghiệp. Xây dựng quy trình công nghệ xử lý và bảo quản tươi sâm củ Ngọc Linh, thông qua tập huấn đã hướng dẫn quy trình bảo quản cho các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện Tư Mờ Rông giúp giảm tổn thất về chất lượng và khối lượng tươi sau thu hoạch, giúp nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh sâm Ngọc Linh.

Nghiên cứu áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến và chọn tạo giống mới vào sản xuất thành công đã làm năng suất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi bảo đảm an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường. Đặc biệt đã hình thành được một số mô hình, dự án theo chuỗi giá trị, gắn kết nguồn lực doanh nghiệp với hợp tác xã, người dân trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo hướng đi bền vững giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân¹. Nghiên cứu, áp dụng công nghệ phù hợp phục vụ nuôi trồng và chế biến thủy sản nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tiến tới xuất khẩu².

¹ Dự án “Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi” chuyển giao các kỹ thuật canh tác theo tiêu chuẩn VietGAP, kỹ thuật tưới nước tiết kiệm, bón phân qua hệ thống tưới, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến trên các đối tượng Bưởi da xanh và Chuối mốc và hình thành chuỗi liên kết, bao tiêu sản phẩm; Đề tài “Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sắn mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sắn bền vững tại Quảng Ngãi” nghiên cứu đưa các giống sắn kháng bệnh khảm lá, năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Quảng Ngãi vào sản xuất. Kết quả thực hiện của đề tài đã tuyển chọn và đưa vào sản xuất các giống sắn kháng bệnh khảm lá góp phần khắc phục tình trạng bệnh khảm lá làm giảm năng suất, sản lượng và diện tích sắn trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện Sơn Hà nói riêng trong thời gian qua, góp phần ổn định sản xuất sắn cho người dân, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi; Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sê bản địa theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi” đã tìm được cây gừng sê là loại cây trồng thích hợp với điều kiện, thổ nhưỡng, điều kiện tự nhiên vùng miền núi phát triển thành hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế cho người dân miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Đề tài “Đánh giá, so sánh năng suất, chất lượng thịt và đề xuất giải pháp chăn nuôi hiệu quả cho các tổ hợp bò lai tại Quảng Ngãi làm cơ sở định hướng xây dựng thương hiệu thịt bò Quảng Ngãi” đã chỉ ra được các tổ hợp lai có năng suất thịt cao, chất lượng thịt tốt và xây dựng được giải pháp kỹ thuật chăn nuôi hiệu quả cho các tổ hợp bò lai. Việc lựa chọn tổ hợp bò lai có năng suất và chất lượng thịt tốt, có quy trình chăn nuôi phù hợp là cơ sở để phát triển chăn nuôi quy mô vừa và lớn, đáp ứng mục tiêu tạo nguồn nguyên liệu bò thịt ổn định về số lượng và chất lượng cho sản xuất hàng hóa, góp phần phát triển chăn nuôi bò thịt tại Quảng Ngãi một cách bền vững...

² Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quản lý ổn định môi trường nước trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi” áp dụng kết quả từ công nghệ nuôi này bảo đảm được an toàn sinh học một cách hiệu quả với hệ thống diệt trùng, tái sử dụng nước > 90%, hạn chế tối đa xả thải, ngăn chặn mầm bệnh xâm nhập, tái sử dụng lại chất thải nên thân thiện với môi trường nội tại và xung quanh và tăng năng suất trên diện tích tích hợp trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở các vùng nuôi tôm của tỉnh Quảng Ngãi; Dự án “Thực nghiệm mô hình chế biến mực xà tại Bình Sơn, Quảng Ngãi”, nhằm cải tiến phương thức sơ chế, bảo quản mực xà tươi trên tàu khai thác và chế biến sản phẩm từ mực xà nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tiến tới xuất khẩu

- *Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ:*

Các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung nghiên cứu, ứng dụng một số công nghệ mới, chế tạo thử nghiệm các sản phẩm, xây dựng một số mô hình thí điểm trong quản lý, điều hành, sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn... Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong xác định và phân tích kiểm định chất lượng sâm Ngọc Linh, kết quả đề tài đã xây dựng được bộ chỉ thị phân tử ứng dụng cho công tác xác định chính xác loài, một số loài thuộc chi panax và các taxon dưới loài của Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* var. *vietnamensis*); xây dựng được quy trình kiểm định sâm Ngọc Linh và các loài trong taxon *Panax* được ghi nhận chính thức tại Việt Nam bằng chỉ thị phân tử; xây dựng được quy trình định lượng, định tính saponin có trong các bộ phận sâm Ngọc Linh. Chuyển giao, duy trì ứng dụng quy trình công nghệ chiết xuất dược liệu (Đảng sâm, Đông trùng hạ thảo) tại Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ; Xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt – Cor, hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu tiếng nói, chữ viết của người Hrê, người Co, tạo ra sự thuận lợi để đẩy mạnh giao tiếp, giao lưu giữa đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh, góp phần thu hẹp khoảng cách về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội giữa các vùng miền trong tỉnh, đặc biệt là góp phần gìn giữ và giới thiệu bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của người Hrê và người Cor ở miền núi Quảng Ngãi; là sản phẩm tiên phong ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo xây dựng Mô hình nhận dạng lời nói tiếng dân tộc thiểu số và tích hợp vào CSDL điện tử, và là công cụ quan trọng phục vụ việc học tập, tra cứu một cách nhanh chóng cho đông đảo các đối tượng có nhu cầu học tiếng đồng bào như: cán bộ công chức, viên chức, giáo viên, học sinh, qua đó tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc ngày được bền chặt hơn, cùng giúp nhau phát triển kinh tế, văn hoá, nâng cao đời sống, góp phần giữ vững an ninh, chính trị tại địa phương.

Nhiều giải pháp ứng dụng KH&CN phục vụ công tác quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế về di sản văn hóa trong việc đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, trong đó đã triển khai thực hiện Đề tài KH&CN “*Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*” đã góp phần tạo dựng được cơ sở dữ liệu 4D trên nền GIS để khai thác, ứng dụng phục vụ công tác quản lý và quảng bá phát triển du lịch huyện đảo Lý Sơn.

2. Khó khăn, tồn tại

- Số lượng đề xuất đề tài, dự án KH&CN từ các địa phương, doanh nghiệp còn ít, chất lượng chưa cao. Chưa có được nhiều nhiệm vụ ứng dụng có quy mô lớn, sản phẩm thực sự mang tính đột phá đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, sức lan tỏa rộng, tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, số lượng các mô hình, dự án KH&CN ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế.

- Một số địa phương chưa chủ động khảo sát, lựa chọn, đề xuất các vấn đề, nhiệm vụ KH&CN cần tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ giải quyết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Phần lớn

các doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô nhỏ, nguồn nhân lực, trình độ công nghệ và năng lực tài chính hạn chế, do đó, việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN còn ít. Tiềm lực KH&CN của tỉnh còn nhiều hạn chế cả về con người và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; thiếu những cán bộ, chuyên gia giỏi trong nhiều lĩnh vực KH&CN. Số lượng công chức, viên chức trong bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN còn mỏng; cán bộ phụ trách công tác KH&CN cơ sở còn kiêm nhiệm, thiếu tính ổn định. Một số địa phương chưa phân bổ kinh phí đối ứng cho các nhiệm vụ KH&CN để thu hút nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

3. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026-2030

- Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh ngày càng vững chắc, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích nghi và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại để chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế³ và đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng.

- Phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông; đảm bảo cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ viễn thông công ích theo quy định. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Xây dựng, triển khai các nền tảng hạ tầng số, nền tảng chính quyền số, nền tảng chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực như: nền tảng điện toán đám mây; các nền tảng số quốc gia, liên thông, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp; nền tảng số dùng chung các ngành.

- Phối hợp thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", phong trào "Quảng Ngãi vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau".

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

³ Một số lĩnh vực, công nghệ ưu tiên như: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ chế biến nông lâm sản, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, trồng và chế biến dược liệu...